

TÌM HIỂU VỀ CHÍNH SÁCH XUẤT - NHẬP KHẨU VÀ THU HÚT ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM (1986-2005)

THS NGUYỄN THỊ THÙY*

Đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại là một nội dung quan trọng trong đường lối đổi mới toàn diện ở Việt Nam từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng. Qua 20 năm đổi mới, kinh tế đối ngoại đã góp phần to lớn vào việc ổn định và phát triển kinh tế, từng bước đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tích cực hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới. Những thành tựu của kinh tế đối ngoại đã chứng minh sự đúng đắn, sáng tạo trong đường lối chính sách của Đảng và để lại nhiều kinh nghiệm cho thời kỳ “đẩy mạnh hoạt động kinh tế đối ngoại, hội nhập sâu hơn và đầy đủ hơn với các thể chế kinh tế toàn cầu”¹.

Kinh tế đối ngoại là một lĩnh vực rộng lớn, bao gồm nhiều nội dung, hình thức. Bài viết chỉ trình bày đổi mới chính sách xuất- nhập khẩu và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

1. Về chính sách xuất- nhập khẩu

Trước năm 1986, cơ chế xuất-nhập khẩu của Việt Nam được xác định là cơ chế Nhà nước độc quyền ngoại thương. Nội dung cơ bản của mô hình quản lý này là hoạt động ngoại thương được kế hoạch hoá với một hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh chặt chẽ và được chỉ huy tập trung từ Trung ương; các

hoạt động ngoại thương đều được giao cho các tổ chức quốc doanh do nhà nước thành lập và quản lý. Chính sách này cũng có những mặt tích cực, song do áp dụng quá lâu cùng với cơ chế kế hoạch hoá tập trung nên các quan hệ thương mại hàng hoá thực sự đã không thể xuất hiện; các đơn vị sản xuất kinh doanh không phải là chủ thể trực tiếp của các hoạt động kinh tế đối ngoại.

Đại hội lần thứ VI của Đảng (12-1986) đã mở ra bước ngoặt quan trọng cho quá trình đổi mới trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Đại hội đã đánh giá cao vai trò quan trọng của kinh tế đối ngoại đối với nền kinh tế và chỉ ra những định hướng cơ bản trong phát triển kinh tế đối ngoại, trong đó khẳng định: "Trong toàn bộ công tác kinh tế đối ngoại, khâu quan trọng nhất là đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu"². Theo đó, từ sau năm 1986, Đảng và Chính phủ đã có những chính sách đổi mới căn bản trên lĩnh vực xuất- nhập khẩu. Đặc biệt, tại HNTU 6 (Khoá VI) tháng 3-1989, Đảng chủ trương xoá bỏ bao cấp và bù lỗ cho kinh doanh xuất- nhập khẩu; mở rộng quyền xuất- nhập khẩu trực tiếp cho các cơ sở làm hàng xuất khẩu thuộc các thành phần kinh tế, xoá bỏ tình trạng độc quyền và tính cửa quyền trong sản xuất kinh doanh xuất- nhập khẩu; tăng cường sự quản lý thống nhất và chặt chẽ của Nhà nước đối với

*Trường Đại học Ngoại thương

mọi hoạt động kinh tế đối ngoại bằng luật pháp và chính sách³. Với những quy định trên, chính sách "Nhà nước độc quyền ngoại thương" về cơ bản đã thay đổi.

Bước vào những năm 90, trước những thay đổi sâu sắc của tình hình thế giới và trong nước, Đại hội lần thứ VII của Đảng đã xác định phương châm đối ngoại của nước ta là "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"⁴. Sau Đại hội VII, hàng loạt chính sách, thể lệ mới đã được Chính phủ ban hành thay cho chính sách, thể lệ cũ không phù hợp, tạo ra một cơ chế và môi trường thông thoáng hơn cho hoạt động xuất- nhập khẩu: Quyết định 78-TTg, ngày 28-2-1994 của Thủ tướng Chính phủ về điều hành công tác xuất - nhập khẩu; Nghị định số 33-CP, ngày 19-4-1994 của Chính phủ về quản lý Nhà nước đối với hoạt động xuất - nhập khẩu... Mục tiêu của những chính sách trên nhằm giảm đến mức tối đa các mặt hàng xuất khẩu - nhập khẩu được quản lý bằng hạn ngạch; ban hành chế độ quản lý hàng hóa xuất - nhập khẩu "theo kế hoạch định hướng" với mục đích xoá bỏ thêm một bước kế hoạch "cứng" trước đây trong điều hành quản lý xuất - nhập khẩu... Sau các văn bản này, chính sách và cơ chế quản lý hoạt động xuất- nhập khẩu đã dần được hoàn thiện theo hướng tự do hoá ngoại thương, khuyến khích các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu. Hệ thống các chỉ tiêu pháp lệnh và cơ chế độc quyền ngoại thương đã dần bị xoá bỏ. Lĩnh vực xuất - nhập khẩu bước đầu được quản lý theo cơ chế thị trường.

Xuất phát từ những thành tựu đạt được sau 10 năm đổi mới, Đại hội lần thứ VIII của Đảng (6-1996) đã quyết định đưa quan hệ đối ngoại lên tầm cao mới với chủ trương "Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu"⁵. Cụ thể hoá quan điểm của Đại hội VIII, ngày

18-11-1996, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết 01-NQ/TW về mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Nghị quyết chỉ rõ: tăng cường xuất khẩu là hướng chiến lược trọng điểm của kinh tế đối ngoại, trong đó đặc biệt quan tâm tăng tỷ trọng hàng xuất khẩu đã qua chế biến, đồng thời tạo điều kiện đồng bộ về đầu tư vốn, công nghệ, quản lý, cơ chế và chính sách nhằm phát triển một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực⁶.

Thực hiện nghị quyết của Đảng và đề tạo điều kiện thực sự nâng cao hiệu quả của hoạt động xuất- nhập khẩu, nhất là sau khi gia nhập ASEAN và tham gia AFTA, Việt Nam đã từng bước triển khai chương trình giảm thiểu các mặt hàng xuất- nhập khẩu được quản lý bằng quota, quy định chế độ quản lý hàng hoá xuất- nhập khẩu ở 3 mức độ. Đặc biệt, tháng 5-1997, Luật Thương mại đã được Quốc hội thông qua. Bộ luật đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại nói chung và hoạt động xuất- nhập khẩu nói riêng phát triển. Các chính sách và cơ chế quản lý xuất- nhập khẩu về cơ bản đã từng bước thực hiện tự do hoá xuất- nhập khẩu, điều này phù hợp với xu thế chung của nền kinh tế thế giới hiện đại, với thông lệ quốc tế và từng bước đưa nước ta hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới.

Trên cơ sở thế và lực được tạo ra sau 15 năm đổi mới, Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định: "*Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực*"⁷. Về chính sách đối với hoạt động xuất- nhập khẩu, Đại hội chỉ rõ: "khuyến khích mạnh mẽ mọi thành phần kinh tế tham gia sản xuất, kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ... phát triển mạnh những sản phẩm hàng hóa và dịch vụ có khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế"⁸. Nghị định số 44/2001/NĐ-CP của Chính phủ và Quyết định số 46/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã cụ thể hóa quan điểm của Đại hội IX, tạo điều kiện thuận lợi cho việc

mở cửa thị trường và tạo quyền chủ động cho các chủ thể tham gia xuất- nhập khẩu.

2. Về chính sách thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Cùng với chính sách thúc đẩy xuất- nhập khẩu, việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng được coi là nhân tố có tầm quan trọng hàng đầu nhằm khắc phục những mặt còn yếu của nền kinh tế nước ta và để khai thác có hiệu quả các tiềm năng của đất nước.

Đại hội lần thứ VI của Đảng khẳng định: "Công bố chính sách khuyến khích nước ngoài đầu tư vào nước ta dưới nhiều hình thức... Đi đôi với việc công bố luật đầu tư, cần có các chính sách và biện pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài và Việt kiều vào nước ta để hợp tác kinh doanh"⁹. Thực hiện chủ trương trên, tháng 12-1987, Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam đã thông qua *Luật đầu tư nước ngoài*, tạo cơ sở pháp lý cơ bản đầu tiên cho hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam. Luật đã thể hiện rõ quan điểm của Nhà nước ta là hoan nghênh và khuyến khích các tổ chức, cá nhân nước ngoài đầu tư vốn vào Việt Nam trên cơ sở tôn trọng độc lập chủ quyền, tuân thủ pháp luật của Việt Nam, bình đẳng, cùng có lợi.

Sự ra đời *Luật đầu tư nước ngoài* là một mốc quan trọng, đánh dấu quyết tâm mở cửa thực sự nền kinh tế, tạo điều kiện cho tư bản nước ngoài đầu tư vốn, lập doanh nghiệp ở Việt Nam, có những ưu đãi dành cho các nhà kinh doanh ngoại quốc,... Đây cũng là một bước ngoặt, thể hiện sự đột tuyệt với thời kỳ "đóng cửa", mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ kinh tế đối ngoại và đánh dấu bước tiến quan trọng trong quá trình đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại của Đảng.

Mặc dù Luật đầu tư nước ngoài năm 1987 của Việt Nam được coi là tương đối thông thoáng, cởi mở hơn một số nước trong khu vực, song trong quá

trình thực hiện vẫn còn những điều chưa phù hợp với điều kiện thực tiễn và thông lệ quốc tế. Vì vậy, cho đến nay Luật đã được sửa đổi, bổ sung 5 lần vào các năm: 1990, 1992, 1996, 2000, 2005. Với những sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật đầu tư, chính sách và cơ chế quản lý đầu tư đã được điều chỉnh theo hướng "mở" cả đối với người đầu tư nước ngoài cũng như người đầu tư trong nước, mở rộng quyền cho các doanh nghiệp trong nước hợp tác kinh doanh với bên ngoài, không phân biệt thành phần kinh tế.

3. Những thành tựu chủ yếu

Tăng nhanh kim ngạch xuất - nhập khẩu, thu hút nguồn vốn lớn đầu tư trực tiếp nước ngoài, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng CNH, HĐH.

Dưới tác động của cơ chế, chính sách mới, trong 20 năm đổi mới, kim ngạch xuất- nhập khẩu của Việt Nam tăng nhanh. Kim ngạch xuất khẩu năm 2006 đạt 39 tỷ USD, tăng gấp hơn 40 lần so với năm 1986. Kim ngạch nhập khẩu đạt 44,8 tỷ USD. Nhập siêu từ tỷ lệ 300% năm 1986, đến nay đã được khống chế ở mức dưới 20% so với kim ngạch xuất khẩu. Đồng thời, thị trường xuất khẩu được mở rộng vượt bậc. Trước năm 1986, hàng hóa chỉ xuất khẩu trong khối các nước XHCN, đến năm 2006, hàng hoá nước ta đã vươn tới hầu hết các vùng, lãnh thổ trên thế giới¹⁰.

Sau hai thập kỷ đổi mới, từ chỗ mới chỉ có 2 mặt hàng có giá trị xuất khẩu trên 200 triệu USD (1989), đến nay Việt Nam có 17 mặt hàng xuất khẩu, trong đó có những mặt hàng đạt trên 1 tỉ USD như may mặc, giày dép, thủy sản... Nếu như 10 năm trước đây, Việt Nam hầu như không có mặt hàng nào có sức cạnh tranh quốc tế, đến nay đã có tới hơn 200 mặt hàng được đánh giá là có sức cạnh tranh quốc tế¹¹. Các ngành dịch vụ cũng phát triển mạnh, thậm chí một số ngành có khả năng vươn ra hoạt động có hiệu quả ngoài lãnh thổ, như vận tải biển, đường bộ, chế biến gỗ, khai thác và chế biến hải sản...

Về đầu tư trực tiếp nước ngoài, từ năm 1988 đến 2005 Việt Nam đã thu hút được 66244,4 triệu USD, trong đó vốn thực hiện là 33315,4 triệu USD¹². Đây là nguồn vốn quan trọng cho tăng trưởng kinh tế.

Những thành tựu trong hoạt động xuất - nhập khẩu và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài; đã thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước. Trước năm 1986, kinh tế Việt Nam chủ yếu là nông nghiệp. Cùng với quá trình công nghiệp hoá và mở cửa, hoạt động phi nông nghiệp được mở rộng, dịch vụ phát triển mạnh, tạo ra sự biến đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp. Sự chuyển dịch này đã tạo ra những tiền đề quan trọng để đẩy nhanh nhịp độ CNH, HĐH.

Tiếp thu công nghệ mới và phương thức quản lý tiên tiến, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý và cán bộ kinh doanh.

Thông qua các hoạt động thương mại, thu hút đầu tư nước ngoài cũng như đổi mới chính sách kinh tế đối ngoại nói chung, nhiều công nghệ mới được nhập khẩu đã và đang góp phần nâng cao trình độ công nghệ sản xuất và làm tăng năng lực sản xuất của các doanh nghiệp Việt Nam. Ta đã tiếp nhận được những công nghệ cao và trang thiết bị hiện đại như: công nghệ chế tạo, công nghệ nhiệt luyện,... Một số ngành khác được tiếp tục hiện đại hoá như: khai thác dầu khí, hàng hải, hàng không, bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin, lắp ráp ô tô, xe máy... Những ngành này đang trở thành những ngành mũi nhọn, đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước.

Đồng thời với quá trình đó, một số lượng đáng kể cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý và cán bộ kinh doanh đã được đào tạo và trưởng thành. Các dự án FDI hoặc liên doanh, liên kết với nước ngoài cũng là nơi đào tạo quan trọng đội ngũ cán bộ quản lý và nhân công Việt Nam.

Trình độ ngoại ngữ, kỹ năng đàm phán và xử lý các vấn đề quốc tế, tham gia vào quá trình xây dựng luật pháp, chính sách của đội ngũ cán bộ cũng được nâng lên rõ rệt...

Góp phần tăng cường thực lực nền kinh tế, bảo đảm ổn định xã hội, an ninh quốc phòng và nâng cao vị thế của đất nước.

Những thành tựu về kinh tế đối ngoại trong đó có lĩnh vực xuất - nhập khẩu và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài 20 năm qua đã góp phần quan trọng để phát huy nội lực, bảo vệ chủ quyền quốc gia, xoá bỏ thế bị bao vây cấm vận, tạo thế và lực vững chắc hơn cho đất nước thông qua các mối quan hệ vừa hợp tác vừa đấu tranh giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế. Kinh tế đối ngoại được mở rộng còn góp phần nhanh chóng đưa nước ta hội nhập với các tổ chức ASEAN, ASEM, APEC, WTO. Tư thế mới này đã góp phần củng cố được an ninh quốc phòng và sẽ là yếu tố quan trọng để duy trì hoà bình và an ninh của Việt Nam trong tương lai.

1. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X, CTQG, H, 2006, tr.113-114

2, 9. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI, ST, H, 1987, tr.82, 85

3. Xem: "Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khoá VI", lưu hành nội bộ, 1989, tr. 20

4. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VII, ST, H, 1991, tr.147

5. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, CTQG, H, 1996, tr. 84-85

6. Xem: "Nghị quyết 01/NQ/TU" (18-11-1996), lưu hành nội bộ, 1996, tr. 23

7,8. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX, CTQG, H, 2001, tr.120, 199

10,11. Lê Hữu Nghĩa, Lê Đăng Doanh: *Thương mại Việt Nam 20 năm đổi mới*, CTQG, H, 2006, tr. 76, 85

12. Tổng cục thống kê, NXB Thống kê, H, 2005.